

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST.

Ngày: 30-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái

Bà Lê Thị Thúy Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2024/QĐXXST-KDTM ngày 27/08/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH B.

Địa chỉ: Tầng A, Tòa Nhà S, số C, đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Trịnh Phối Yến N, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

2. Bà Lương Vũ Thùy D, sinh năm 1997 (Có mặt)

3. Ông Đỗ Hòa A, sinh năm 1996 (Có mặt)

Cùng địa chỉ liên lạc: Phòng 802, tầng H, Tòa nhà C, số G - G N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty TNHH H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang D - Giám đốc (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường N, khóm C, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lương Vũ Thùy D trình bày:

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2022, Công ty TNHH B (sau đây gọi tắt là Công ty B) và Công ty TNHH H (sau đây gọi tắt là Công ty H) có ký Hợp đồng Phân Phối số ST22-03 và Phụ lục 1 đính kèm theo hợp đồng. Theo đó, Công ty H mua các sản phẩm là thuốc bảo vệ thực vật do Công ty B cung cấp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, Công ty B và Công ty H đã ký Phụ lục hợp đồng số PLHDST22-07 để điều chỉnh nội dung Hợp đồng.

Thực hiện Hợp đồng và Phụ lục, lần lượt vào các ngày 29 tháng 11 năm 2022; ngày 02 tháng 12 năm 2022; ngày 06 tháng 12 năm 2022; ngày 27 tháng 12 năm 2022, Công ty B đã giao đầy đủ thuốc bảo vệ thực vật cho Công ty H theo Giấy giao hàng số 6212227960, số 6212240681, số 6212257157, số 6212319454 có chữ ký xác nhận đã nhận hàng của ông Phạm Quốc C (người đại diện theo ủy quyền của Công ty H).

Công ty B đã phát hành 04 (bốn) Hóa đơn giá trị gia tăng số 5465 ngày 28 tháng 11 năm 2022; số 5628 ngày 01 tháng 12 năm 2022; số 5693 ngày 05 tháng 12 năm 2022; số 6281 ngày 26 tháng 12 năm 2022 để yêu cầu Công ty H số tiền mua hàng là 2.551.797.990 đồng.

Theo Điều I của Phụ lục hợp đồng điều chỉnh Điều 2.2 của Hợp đồng, Công ty H có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Đến nay, mặc dù đã quá hạn thanh toán hơn 01 năm và Công ty B đã yêu cầu nhiều lần, nhưng phía Công ty H chỉ mới thanh toán được 1.028.431.000 đồng và còn nợ lại Công ty B số tiền 1.523.366.990 đồng.

Theo Điều 10.2 của Phụ lục 1 đính kèm Hợp đồng, đối với tất cả khoản thanh toán chậm trả, Công ty B có quyền tính lãi với Công ty H trên số tiền chậm trả, tính từ ngày đến hạn thanh toán đến ngày thực tế thanh toán, với lãi suất là 0.05% mỗi ngày, tương đương 18.25% mỗi năm.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty B yêu cầu bị đơn Công ty H trả cho Công ty B số tiền nợ gốc là 1.523.366.990 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày chậm thanh toán theo từng hóa đơn đến ngày 26/9/2024 là 461.742.389 đồng. Tổng cộng số tiền là 1.985.109.379 đồng.

2/ Đối với bị đơn Công ty TNHH H: Từ khi Tòa án thụ lý đến nay, mặc dù đã được thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn biết về nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không tham gia việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa hôm nay nên không có ý kiến trình bày.

3/ Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng

xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Công ty TNHH H vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mua bán thuốc bảo vệ thực vật nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, đồng thời bị đơn có trụ sở tại phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Công ty TNHH H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn Công ty B yêu cầu bị đơn Công ty H trả số tiền nợ gốc là 1.523.366.990 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng phân phối, Hóa đơn giá trị gia tăng thể hiện Công ty H có nợ Công ty B số tiền là 1.523.366.990 đồng nên Hội đồng xét xử xác định trên thực tế giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa là sự thật.

Theo hóa đơn giá trị gia tăng, các sao kê thanh toán nợ do phía nguyên đơn cung cấp thì tính đến ngày 26/9/2024 phía Công ty H còn nợ Công ty B số tiền 1.523.366.990 đồng. Đồng thời Tòa án cũng đã thông báo cho bị đơn biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không có ý kiến trả lời, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy có căn cứ cho rằng bị đơn Công ty H còn nợ nguyên đơn Công ty B số tiền 1.523.366.990 đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về tiền phạt lãi chậm thanh toán:

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì thời hạn tính lãi sau 45 ngày kể từ ngày nguyên đơn xuất hóa đơn và mức lãi suất thỏa thuận là 0,05%/ngày (18,25% năm) là phù hợp với quy định của pháp luật và được tính như sau:

Đối với hóa đơn số 5628 ngày 01/12/2022 số tiền nợ là 179.960.870 đồng, lãi tính từ ngày 16/01/2023 đến ngày 26/9/2024 số tiền là 55.697.889 đồng.

Đối với hóa đơn số 5693 ngày 05/12/2022 số tiền nợ là 671.703.060 đồng, lãi tính từ ngày 20/01/2023 đến ngày 26/9/2024 số tiền là 206.548.691 đồng.

Đối với hóa đơn số 6281 ngày 26/12/2022 số tiền nợ là 671.703.691 đồng, lãi tính từ ngày 10/02/2023 đến ngày 26/9/2024 số tiền là 199.495.809 đồng.

Như vậy tiền lãi là 461.742.389 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH B, buộc bị đơn Công ty TNHH H trả cho nguyên đơn Công ty TNHH B số tiền nợ gốc là 1.523.366.990 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 26/9/2024 là 461.742.389 đồng. Tổng cộng là 1.985.109.379 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH H phải chịu là 71.553.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 50; Điều 300; Điều 306 của Luật thương mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH B về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH H trả số tiền mua bán hàng hóa.

Buộc bị đơn Công ty TNHH H trả cho nguyên đơn Công ty TNHH B số tiền nợ gốc là 1.523.366.990 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 26/9/2024 là 461.742.389 đồng. Tổng cộng là 1.985.109.379 đồng (*Một tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu một trăm lẻ chín ngàn ba trăm bảy mươi chín đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn Công ty TNHH B thì hàng tháng Công ty TNHH H còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2/ Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 71.553.000 đồng (*Bảy mươi một triệu năm trăm năm mươi ba ngàn đồng*).

Nguyên đơn Công ty TNHH B không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH B số tiền tạm ứng án phí là 28.850.000 đồng (*Hai mươi tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005279 ngày 12/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Phương